| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 506/2023/DSPT
Ngày: 13-9-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Vân
*Các Thẩm phán:*
Ông Mai Hoàng Khải;
Ông Võ Ngọc Giàu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa****: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.*

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 713/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số G, khu phố B, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: số G, khu phố B, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 14/11/2022 tại Phòng C1, tỉnh Tiền Giang, số công chứng 3782, Quyển số 06/2022TP/CC-SCC/HĐGD). (BL 49).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: số D, đường N, khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Bà Trần Bích L, Luật sư Văn phòng L1, Thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: số C, đường N, khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Văn H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm,*

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn T1 thống nhất trình bày:*

Vào năm 2020 ông H có hỏi vay tiền của bà T nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 21/10/2020 âm lịch (nhằm ngày 04/12/2020 dương lịch): ông H vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Lúc vay tiền là tại nhà của bà T. Bà T là người trực tiếp giao tiền và ông H là người trực tiếp nhận tiền, bà T giao một lần cho ông H số tiền 300.000.000 đồng. Ông H có viết biên nhận nhận vay tiền cùng với thời điểm bà T giao tiền cho ông H vay, biên nhận đề ngày 21 tháng 10 năm 2020 Âm lịch. Lúc ông H hỏi vay tiền thì ông H có nói là vay với mục đích để làm ăn.

- Ngày 03/11/2020 âm lịch (nhằm ngày 16/12/2020 dương lịch): ông H vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Lúc vay tiền là tại nhà của bà T. Bà T là người trực tiếp giao tiền và ông H là người trực tiếp nhận tiền, bà T giao một lần cho ông H số tiền 300.000.000 đồng. Ông H có viết biên nhận nhận vay tiền cùng với thời điểm bà T giao tiền cho ông H vay, biên nhận đề ngày mùng 3 tháng 11 năm 2020 Âm lịch. Lúc ông H hỏi vay tiền thì ông H có nói là vay với mục đích để làm ăn.

Cả hai lần vay tiền thì không có thỏa thuận thời gian trả, khi nào bà T cần tiền thì bà T báo cho ông H trước ông H sẽ lo trả lại. Nội dung biên nhận do ông H viết và ký tên. Ngày giao nhận tiền cũng là ngày viết biên nhận. Lúc vay tiền thì ông H có thế chấp cho bà T 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00042 do UBND thị xã C cấp ngày 18/02/2016 cho ông Huỳnh Văn H. Sau khi ông H vay tiền thì ông H không có trả lãi cho bà T và cũng không có trả vốn. Do cần tiền để làm ăn nên vào khoảng tháng 9/2022 bà T có báo cho ông H biết để trả lại toàn bộ số tiền vay của bà là 600.000.000 đồng nhưng ông H cứ hẹn lần hẹn lựa mà không trả.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền vốn vay tổng cộng là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay tiền 16/12/2020 đến 16/4/2023 là: 600.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 28 tháng = 252.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 852.000.000 đồng yêu cầu trả 01 lần. Yêu cầu ông H hoàn trả lại chi phí giám định cho bà T số tiền 6.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông không có vay và nhận tiền của bà T mà do em ruột của ông là bà Huỳnh Thị C vay tiền của bà T, ông chỉ là người đứng ra bảo lãnh cho bà C vay tiền của bà T. Bà C vay tiền của bà T để trả nợ cho người khác. Bà C là người trực tiếp gọi điện cho bà T để hỏi vay tiền vì bà T là người cho vay tiền lâu năm rồi. Lúc bà C gọi điện cho bà T hỏi vay tiền thì bà T mới điện thoại cho ông H nói là bà C vay tiền của bà T ông đứng ra bảo lãnh cho bà C thì bà T mới cho bà C vay tiền. Lúc đó ông cũng đồng ý đứng ra bảo lãnh cho bà C theo hình thức là ông nói với bà T là nếu bà C không trả góp cho bà T đúng hạn thì ông sẽ đứng ra trả cho bà C, thời gian bảo lãnh khi nào thì ông không nhớ, ông chỉ nhớ là ông có viết tờ giấy bảo

lãnh cho bà C vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng ở lần vay thứ nhất. Ba tuần lễ sau thì bà T mới điện thoại cho ông để ông bảo lãnh cho bà C vay tiền của bà T lần thứ hai số tiền 300.000.000 đồng. Đối với lần vay tiền lần hai của bà C thì ông không có viết giấy biên nhận hay bảo lãnh gì cho bà C. Thời gian cụ thể của hai lần vay tiền thì ông không nhớ rõ. Đối với hai biên nhận mà nguyên đơn cung cấp thì biên nhận đề ngày mùng 3 tháng 11 năm 2020 âm lịch thì toàn bộ nội dung của biên nhận là do ông H tự viết và ông H có ký tên vào biên nhận. Còn biên nhận đề ngày 21/10/2020 AL thì ông không có ký tên trong biên nhận, chữ ký và chữ viết trong biên nhận không phải của ông.

Nay ông H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T, vì ông không có vay tiền của bà T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C trình bày:*

Trước đây khoảng thời gian cụ thể thì bà không nhớ rõ, bà có hỏi vay của bà Nguyễn Thị Kim T hai lần vay, lần thứ nhất bà vay số tiền 300.000.000 đồng, lần thứ hai bà vay số tiền 300.000.000 đồng, lúc bà hỏi vay tiền thì bà T không đồng ý vì lúc đó bà đang đổ nợ và bà T nói là anh tư của bà là ông Huỳnh Văn H đứng ra bảo lãnh thì bà T mới cho bà vay. Lúc đó ông H mới đứng ra bảo lãnh là thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T nên bà T mới cho bà vay. Lúc bà T cho bà vay hai lần tổng cộng là 600.000.000 đồng thì bà không biết là ông H có viết giấy biên nhận hay cam kết bảo lãnh gì cho bà T để bà được vay số tiền 600.000.000 đồng đó hay không, bà cũng không có nghe ông H nói. Cả hai lần vay tiền thì bà T là người trực tiếp giao tiền và bà là người trực tiếp nhận tiền, lúc nhận tiền của bà T thì bà cũng không có làm biên nhận. Sau khi vay tiền, đối với số tiền vay của hai lần vay thì hai bên thỏa thuận bà sẽ trả góp hàng ngày số tiền vốn 5.000.000 đồng, tiền lời tổng cộng là 15.000.000 đồng sau khi góp đủ vốn xong thì bà góp thêm 3 ngày tiền lãi nữa, mỗi ngày góp 5.000.000 đồng tiền lãi bà góp trong 03 ngày. Sau đó khoảng hai tháng thì bà đã trả góp xong vốn và lãi cho bà T số tiền 600.000.000 đồng. Những lần bà trả góp tiền thì không có làm văn bản giao nhận tiền gì. Sau khi bà trả đủ vốn và lãi cho bà T số tiền 600.000.000 đồng thì bà mới nói cho ông H biết. Ông H không có vay tiền của bà T, ông H chỉ bảo lãnh cho bà vay số tiền 300.000.000 đồng ở lần vay thứ nhất đó thôi.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 600.000.000 đồng thì bà không có ý kiến gì, vì số tiền bà vay của bà T thì bà trả hết rồi.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, căn cứ:

- Khoản 2, 4 Điều 91; Điều 159, Điều 161; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. Về dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T. Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên

đơn bà Nguyễn Thị Kim T số tiền vốn vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 252.000.000 (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

Khi bị đơn ông Huỳnh Văn H thanh toán xong toàn bộ số nợ còn thiếu thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00042 do UBND thị xã C cấp ngày 18/02/2016 cho ông Huỳnh Văn H đứng tên.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T chi phí giám định chữ ký và chữ viết số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, bị đơn ông Huỳnh Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, với các lý do:

Thứ nhất, ông không có nhận số tiền 600.000.000 đồng.

Thứ hai, người có nghĩa vụ trả tiền phải là bà Huỳnh Thị Â, vì bà Â là người trực tiếp nhận tiền của bà Nguyễn Thị Kim T, ông H chỉ đứng ra viết biên nhận vay tiền, khi viết xong ông không có nhận tiền.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm trả 600.000.000 đồng nợ vay.

- Người kháng cáo ông Huỳnh Văn H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H phát biểu quan điểm:*

- Ông H không có vay tiền của bà T điều này được bà Chính xác n.

- Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm có tiến hành đối chất giữa các ông bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị C và Huỳnh Thị Â1 tuy nhiên cấp sơ thẩm lại không đưa bà Â1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người kháng cáo ông Huỳnh Văn H không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm trả 600.000.000 đồng tiền nợ vay nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T với bị đơn ông Huỳnh Văn H là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn H là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn H Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

- Tại biên nhận ngày 21/10/2020 (al) thể hiện nội dung "tôi tên Huỳnh Văn H có mượn tiền". Tại biên nhận ngày 03/11/2020 thể hiện nội dung "tôi tên Huỳnh Văn H có vay tiền của chị T". Cả hai biên nhận đều thể hiện ông H là người vay, mượn tiền của bà T mà không hề có nội dung nào thể hiện về việc ông H bảo lãnh nợ cho ai khác.

- Kèm theo đơn khởi kiện, bà T có nộp kèm theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH00042 do UBND thị xã C cấp cho ông Huỳnh Văn H mà ông H đã đưa cho bà để làm tin khi vay tiền.

- Quá trình giải quyết ông H không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong tờ biên nhận nợ ngày 21/10/2020 là của ông. Tuy nhiên theo kết quả giám định số 105/KL-KTHS(Đ2) ngày 03/3/2023 của phòng K công an tỉnh T thì chữ ký và chữ viết trong cả 02 biên nhận nợ cần giám định ngày 21/10/2020 và ngày 03/11/2020 (al) đều là của ông H (111).

- Phía ông H, bà C cho rằng ông H không có nhận tiền mà chỉ đứng ra bảo lãnh việc vay tiền của bà C và bà C đã trả xong số nợ vay này không được phía bà T chấp nhận mà bà C, ông H không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

- Ngoài ra tại phiên tòa bà C khai sau khi góp tiền cho bà T xong không có báo cho ông H biết và ông H cũng không hề biết việc bà C đã góp xong nợ cho bà T là mâu thuẫn không có căn cứ.

Từ các căn cứ trên, nhận thấy cấp sơ thẩm buộc ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền còn nợ 600.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Ông Huỳnh Văn H kháng cáo nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên kháng cáo của ông là không có cơ sở nên bác.

- Về ý kiến luật sự bảo vệ cho ông H cho rằng cấp sơ thẩm không đưa bà Â1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng là không có cơ sở bỡi lẽ việc giải quyết yêu cầu của bà T không hề làm phát sinh quyền và nghĩa vụ gì của bà Â1 nên không chấp nhận.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 29/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T;

- Buộc ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Thời hạn khi án có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 252.000.000 (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

- Khi bị đơn ông Huỳnh Văn H thanh toán xong toàn bộ số nợ còn thiếu thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00042 do UBND thị xã C cấp ngày 18/02/2016 cho ông Huỳnh Văn H đứng tên.

3.Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T chi phí giám định chữ ký và chữ viết số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0018621 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang. Ông H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Ông Huỳnh Văn H còn phải chịu 28.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 12.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 17.870.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 0002669 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy nên bà T được hoàn lại số tiền 5.270.000 đồng còn dư.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CC THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Lê Thanh Vân**